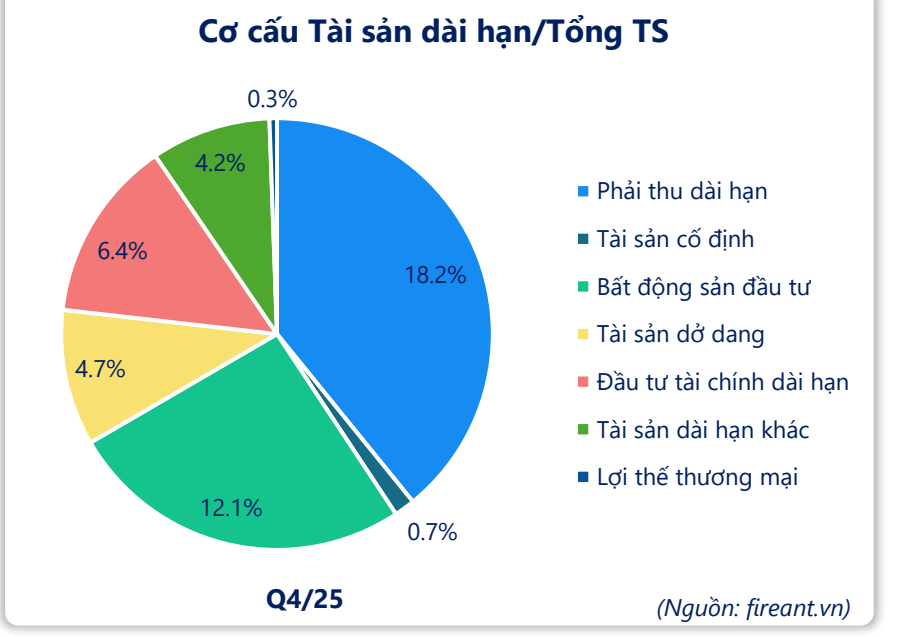
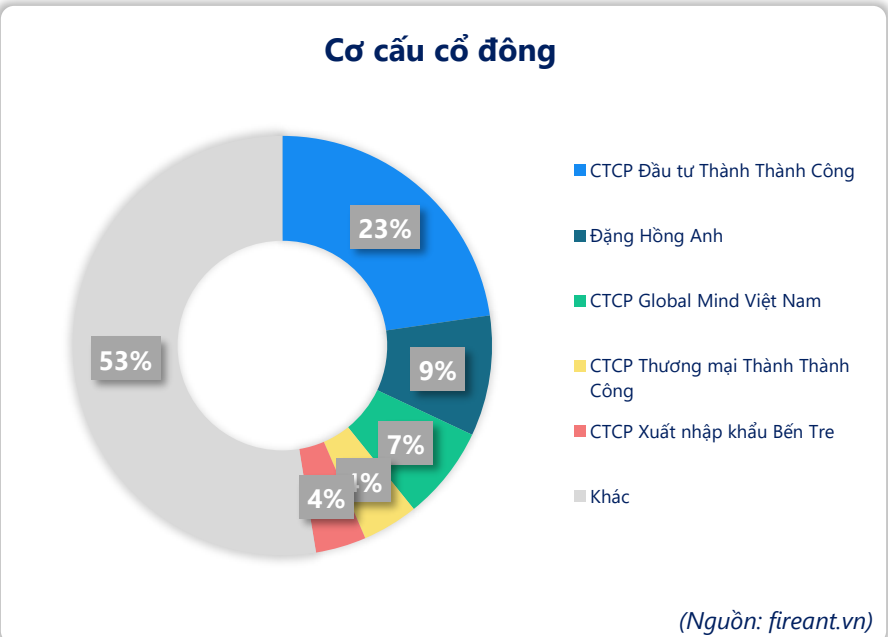
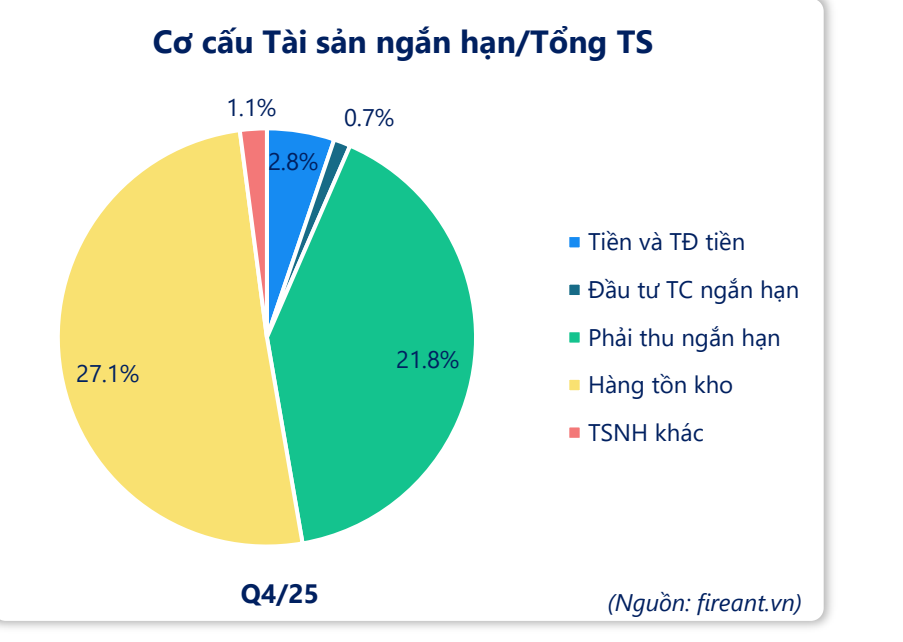
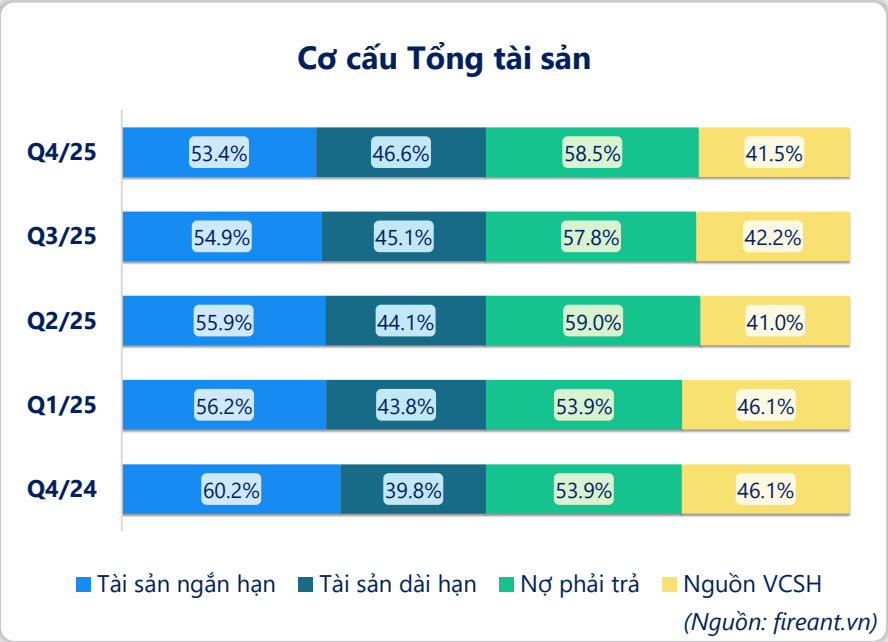
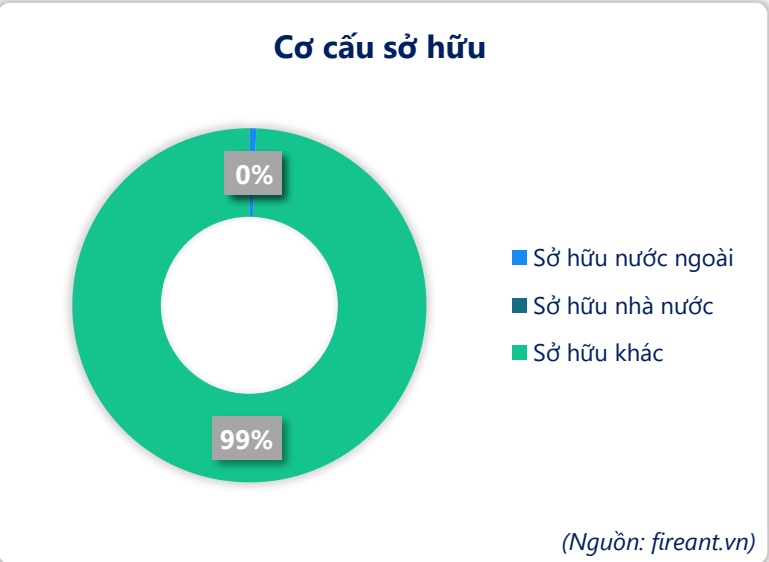
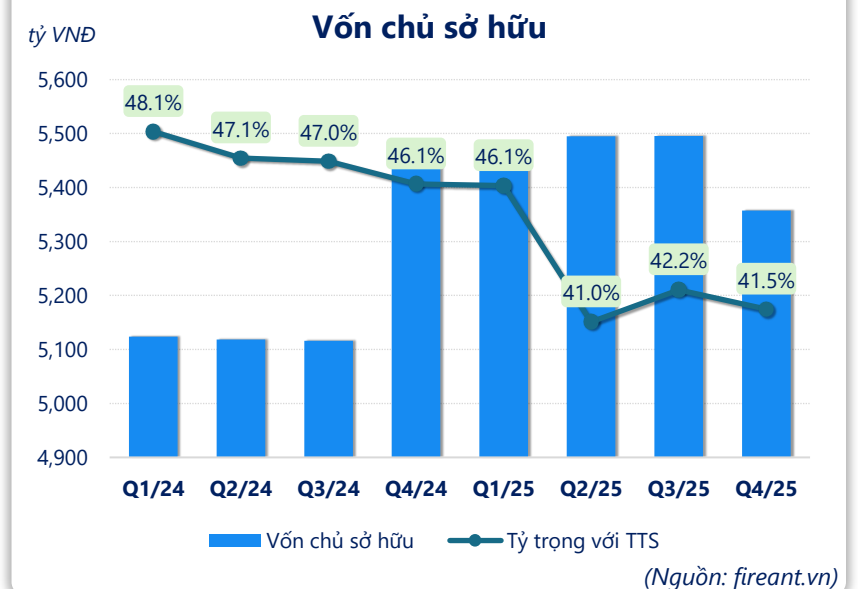
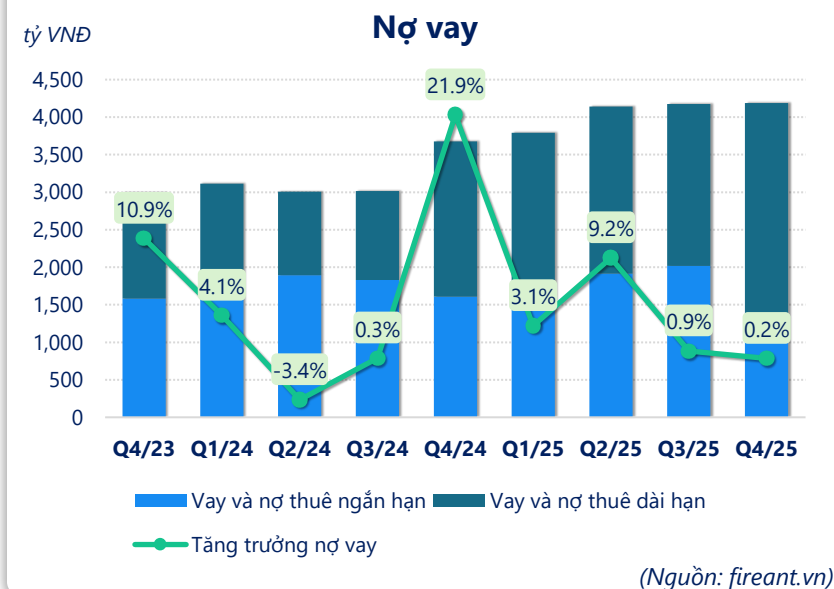
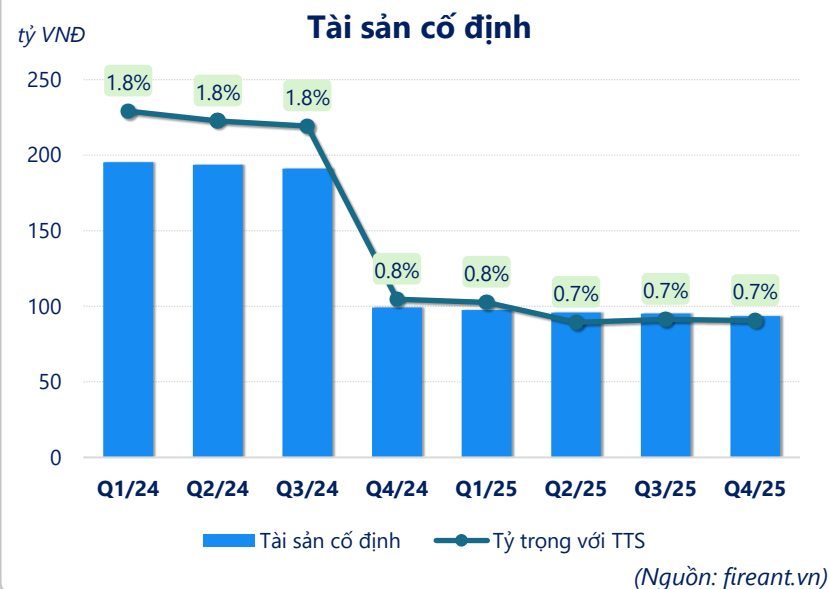
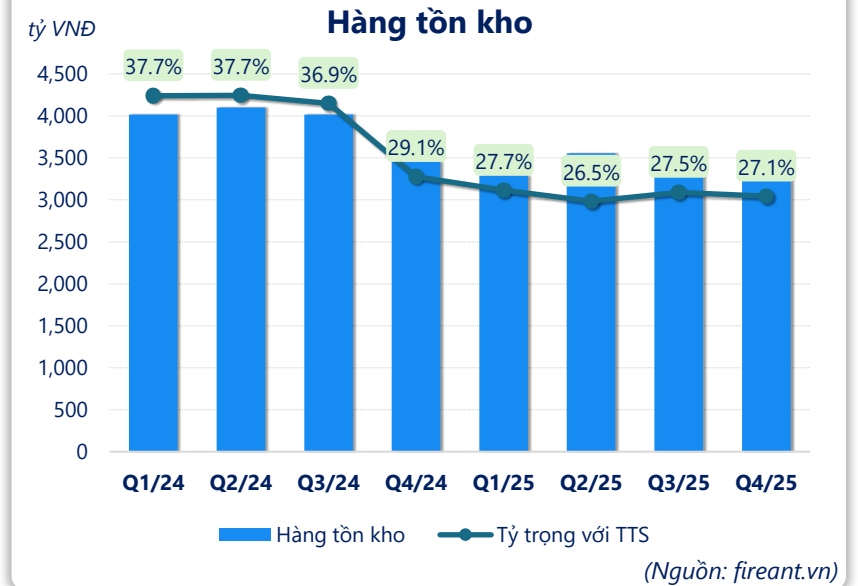
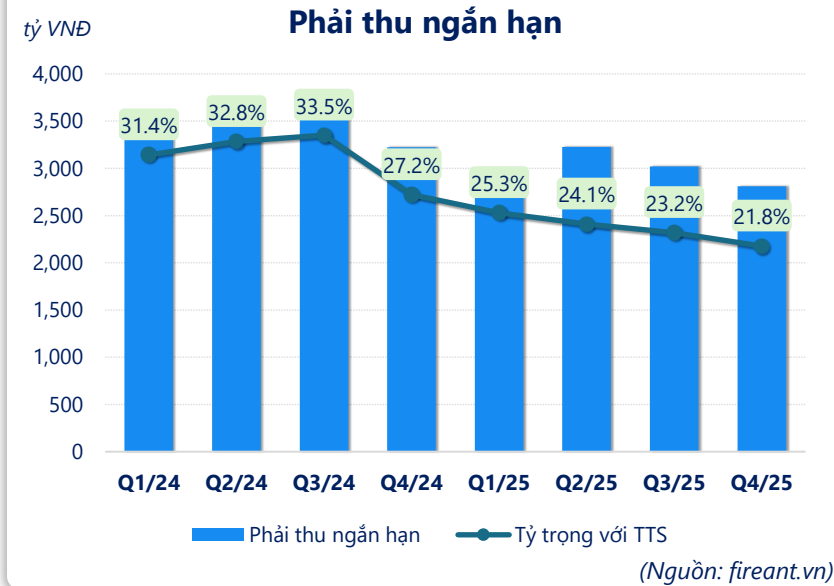
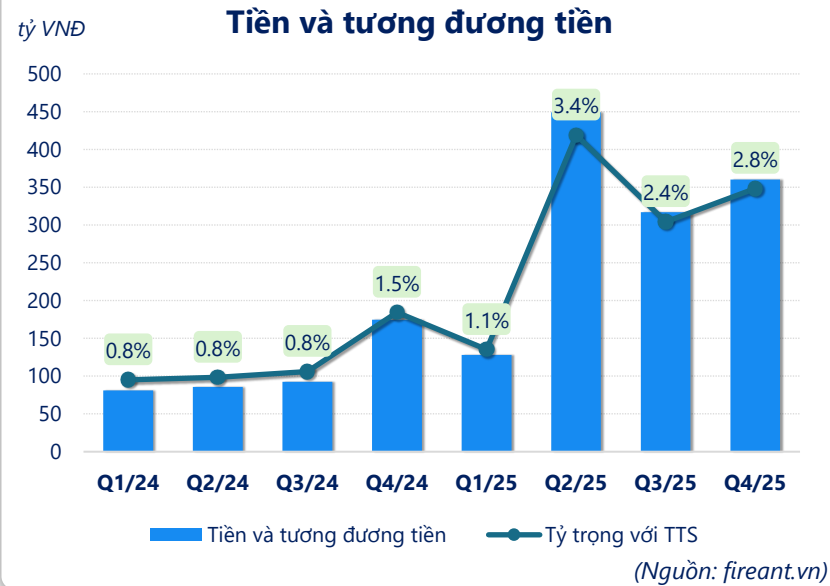
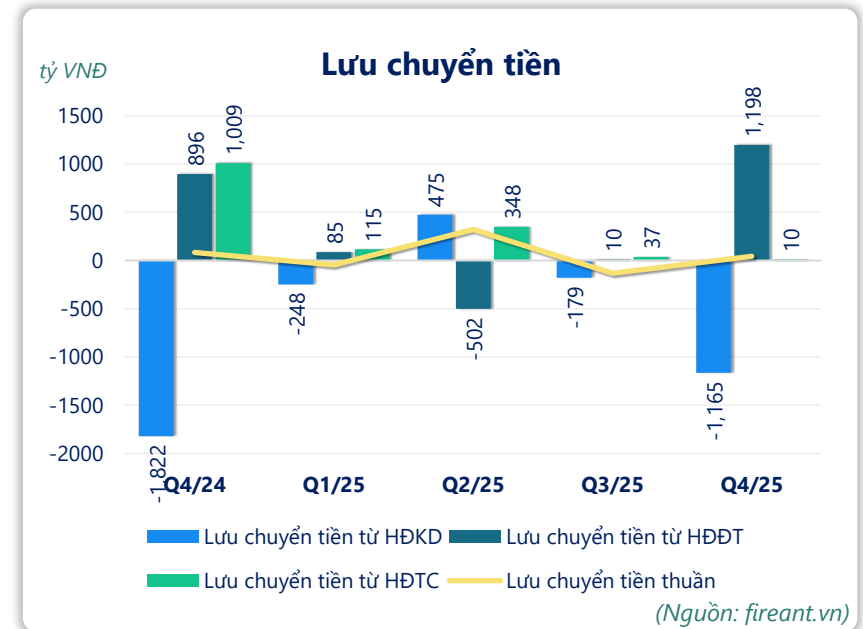
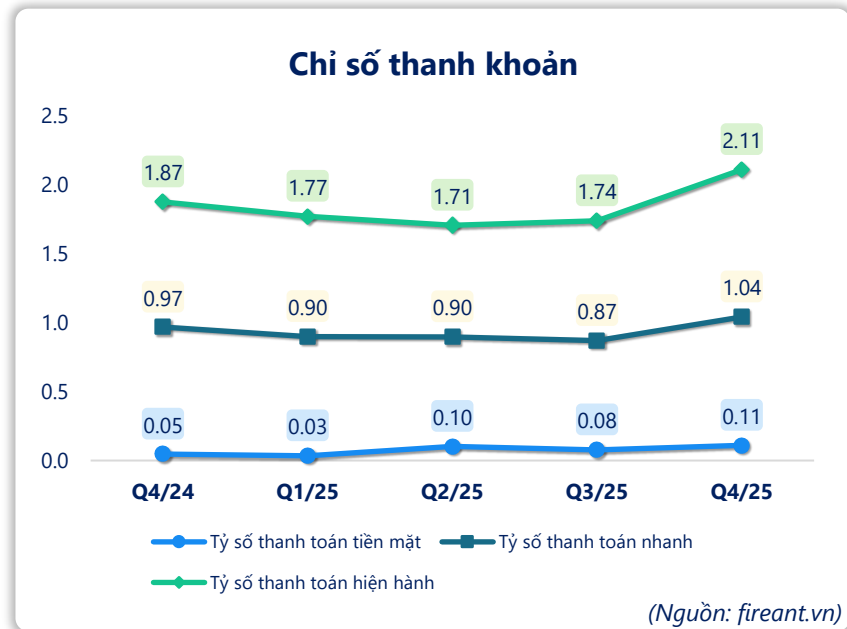
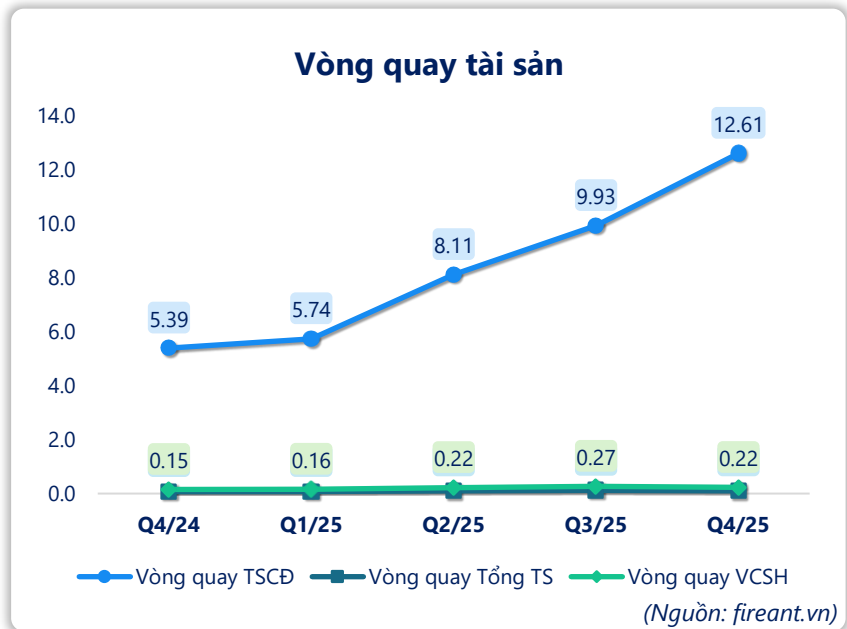
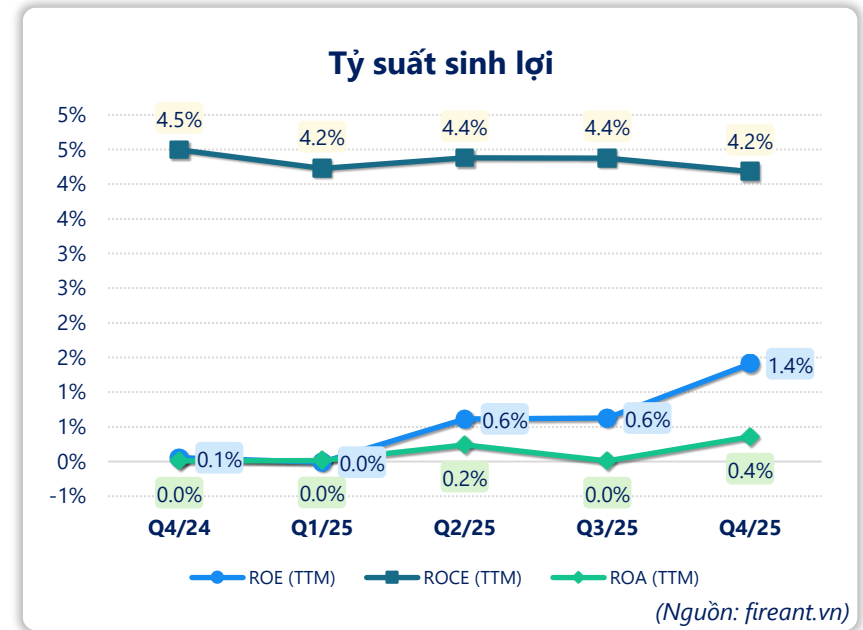
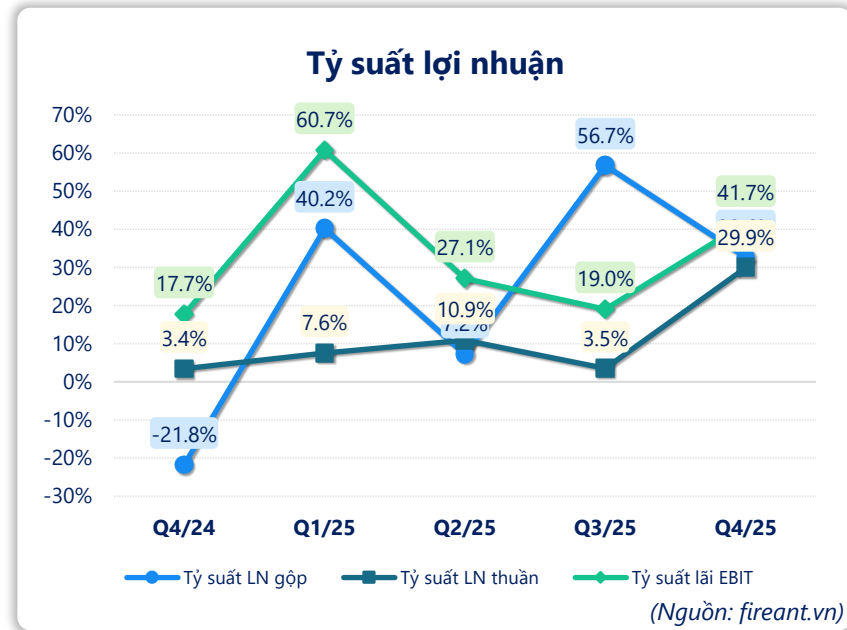
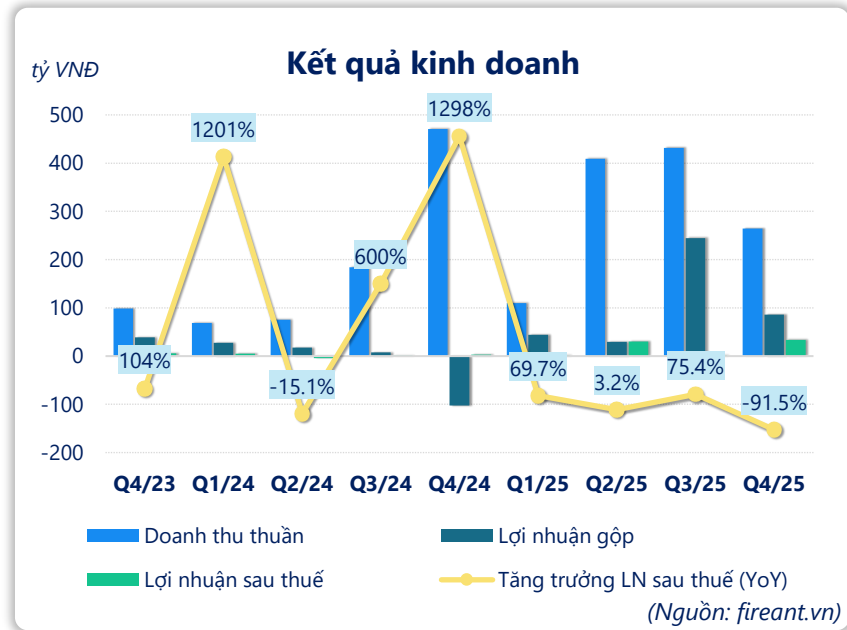


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,520
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,070
SL cổ phiếu LH		430,595,036
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,690,381
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,238
P/E		42.4
EPS		177

	YTD	1T	3T	6T
SCR	32.4%	-9.7%	-16.9%	0.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	12,912	11,847	9.0%
Tài sản ngắn hạn	6,896	6,970	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	360	175	106%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.2	98.4	-9.3%
Phải thu ngắn hạn	2,811	3,187	-11.8%
Hàng tồn kho	3,493	3,337	4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	143	173	-17.1%
Tài sản dài hạn	6,015	4,877	23.4%
Phải thu dài hạn	2,355	1,988	18.5%
Tài sản cố định	93.5	99.2	-5.8%
Bất động sản đầu tư	1,558	710	119%
Tài sản dở dang	613	612	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	822	1,145	-28.2%
Tài sản dài hạn khác	540	275	96.2%
Lợi thế thương mại	33.7	47.2	-28.6%
Nợ phải trả	7,554	6,382	18.4%
Nợ ngắn hạn	3,269	3,801	-14.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,323	1,610	-17.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	275	453	-39.3%
Nợ dài hạn	4,285	2,581	66.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,863	2,066	38.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,357	5,465	-2.0%
Vốn chủ sở hữu	5,357	5,465	-2.0%
Vốn điều lệ	4,306	4,306	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	470	110	409	432	264
Giá vốn hàng bán	573	65.8	380	187	178
Lợi nhuận gộp	-102	44.1	29.5	245	86.2
Doanh thu HĐTC	231	54.9	113	42.0	158
Chi phí TC	79.0	61.9	68.6	72.6	133
Chi phí lãi vay	71.5	60.6	66.4	70.6	75.5
LN trong công ty LKLD	-5.04	-4.58	-7.04	-34.0	-4.37
Chi phí bán hàng	7.43	2.80	2.59	5.52	3.02
Chi phí QLDN	20.4	21.5	19.8	160	25.2
LN thuần từ HĐKD	16.2	8.31	44.4	15.0	79.1
Lợi nhuận khác	-4.37	-2.13	0.07	-3.44	-44.5
LN trước thuế	11.8	6.19	44.5	11.6	34.7
Lợi nhuận sau thuế	2.76	1.90	30.2	1.82	33.5
LNST của CĐ cty mẹ	1.11	1.51	29.4	1.24	44.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,822	-248	475	-179	-1,165
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	896	85.4	-502	10.1	1,198
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,009	115	348	37.0	9.55
Tiền đầu kỳ	92.6	175	128	449	317
Lưu chuyển tiền thuần	82.3	-46.8	321	-132	43.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	175	128	449	317	360

(Nguồn: fireant.vn)